

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN TRONG TUYỂN CHỌN VĐV CỜ VUA NỮ TRẺ LỨA TUỔI 13 - 14 THÀNH PHỐ HUẾ

TS. Trần Mạnh Hưng, ThS. Đồng Thị Hương
Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Tóm tắt: Bằng các phương pháp nghiên cứu cơ bản, bài viết đã lựa chọn được 15 test (8 test ở lứa tuổi 13 và 7 test với lứa tuổi 14), có đủ độ tin cậy. Với những số liệu thu được qua quá trình kiểm tra đánh giá, nghiên cứu tiến hành xây dựng thang điểm và phân loại trong tuyển chọn VĐV Cờ vua.

Từ khóa: Test đánh giá; tiêu chuẩn tuyển chọn; VĐV Cờ vua.

Abstract: Through basic research methods, 15 tests have been selected (8 tests at the age of 13 and 7 tests at the age of 14), with enough reliability. With the data obtained through the process of testing and assessing, the researcher built a scale of points and classification in the selection of chess players.

Keywords: assessment tests; criteria for selecting; chess players.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Qua thực tế công tác tuyển chọn VĐV Cờ vua trẻ nói chung và nữ VĐV Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế nói riêng cho thấy, hầu hết các huấn luyện viên đều tiến hành tuyển chọn VĐV Cờ vua theo kinh nghiệm, hoặc dựa theo kế hoạch thi đấu mà chưa xây dựng được hệ thống các tiêu chuẩn tuyển chọn một cách hợp lý có đầy đủ cơ sở khoa học. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự chững lại của thành tích cũng như phát triển Cờ vua hiện nay tại Thành phố Huế. Xuất phát từ những tầm quan trọng của tuyển chọn VĐV Cờ vua của nước ta nói chung và trên địa bàn Thành phố Huế nói riêng. Thông qua các test đã được chọn lựa và kiểm nghiệm trong thực tiễn, nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình tuyển chọn VĐV Cờ vua nữ lứa tuổi 13-14 Thành phố Huế. Bài viết đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp kiểm tra, trắc nghiệm tâm lý; Phương pháp kiểm tra sự phạm; Phương pháp kiểm tra toán

thống kê. Khách thể nghiên cứu của bài viết, gồm các chuyên gia, HLV, trọng tài và Giảng viên

Cờ vua. Chủ thể nghiên cứu là các test đánh giá trong tuyển chọn VĐV Cờ vua nữ trẻ tuổi 13 - 14 Thành Phố Huế.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Nghiên cứu lựa chọn các test tuyển chọn VĐV Cờ Vua nữ lứa tuổi 13 -14 Thành phố Huế

1.1. Xác định cơ sở thực tiễn của các test tuyển chọn VĐV Cờ Vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế

Xuất phát từ thực trạng sử dụng các tiêu chuẩn tuyển chọn nữ VĐV Cờ Vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế chưa được xây dựng cụ thể, bài viết đã tiến hành lựa chọn các test khả thi, đảm bảo tính thông báo để xây dựng các tiêu chuẩn tuyển chọn. Từ những kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã lựa chọn được 22 chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 - 14 (như trình bày tại Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các test tuyển chọn nữ VĐV lứa tuổi 13 - 14 (n = 25)

TT	Nội dung phỏng vấn	Số người lựa chọn		Kết quả phỏng vấn theo mức độ quan trọng (%)							
				Rất quan trọng		Quan trọng		Cần		Không quan trọng	
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
I. Các hình thức cần áp dụng trong tuyển chọn											
1	Căn cứ vào các giải thi đấu	16	64,00	4	25,00	9	56,25	3	18,75	0	0,00
2	Theo kinh nghiệm của các HLV	13	52,00	3	23,08	3	23,08	6	46,15	1	7,69
3	Sử dụng các bài thử (test) để tuyển chọn	18	72,00	1	5,56	6	33,33	3	16,67	2	11,11
4	Căn cứ kết quả các môn học tự nhiên	10	40,00	1	10,00	3	30,00	4	40,00	2	20,00
5	Lấy từ các lớp Cờ vua nghiệp dư	17	68,00	10	58,82	4	23,53	2	11,76	1	5,88
II. Các mặt cần kiểm tra đánh giá trong quá trình tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ vua											
1	Đặc điểm tâm - sinh lý	22	88	15	68,18	2	9,1	2	9,09	3	13,64
2	Các năng lực chuyên môn	21	84	12	57,14	3	14,3	5	23,81	1	4,76
3	Sự phát triển thể chất	17	68	13	76,47	2	11,8	1	5,88	1	5,88
4	Sự ham thích tập luyện Cờ vua	12	48	9	75,00	2	16,7	1	8,33	0	0.00
III. Các bài thử được sử dụng trong thực tiễn công tác tuyển chọn năng khiếu Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 - 14											
1	Chiều cao đứng (cm)	18	72	10	55,56	3	16,67	2	11,11	3	16,67
2	Cân nặng (kg)	17	68	11	64,71	2	11,76	3	17,65	1	5,88
3	Chạy 60m xuất phát cao (s)	16	64	12	75,00	2	12,50	4	25,00	0	0,00
4	Nhảy dây 2 phút (lần)	12	48	0	0,00	0	0,00	4	33,33	3	25,00
5	Chạy 100m XPC (s)	8	32	0	0,00	2	25,00	4	50,00	2	25,00
6	Chạy 400m (s)	18	72	14	77,78	3	16,67	1	5,56	0	0,00
7	Chạy 800m (s)	5	20	0	0,00	0	0,00	2	40,00	3	60,00
8	Cooper test (m)	7	28	0	0,00	0	0,00	4	57,14	3	42,86
9	Bật xa tại chỗ (cm)	19	76	14	73,68	3	15,79	2	10,53	0	0,00
10	Loại hình thần kinh	16	64	9	56,25	3	18,75	2	12,50	2	12,50
11	Soát vòng hồ Landolt (bit/s)	20	80	15	75,00	2	10,00	2	10,00	1	5,00

12	Tương quan số học (điểm)	18	72	14	77,78	2	11,11	1	5,56	1	5,56
13	Tepping test (lần/s)	9	36	1	11,11	1	11,11	5	55,56	2	22,22
14	Test Raven (điểm)	12	48	7	58,33	2	16,67	2	16,67	1	8,33
15	Kỹ năng tính toán (điểm)	21	84	15	71,43	2	9,52	4	19,05	2	9,52
16	Chiến thuật chiến lược (điểm)	21	84	11	52,38	5	23,81	4	19,05	1	4,76
17	Cờ tàn (điểm)	20	80	2	10,00	5	25,00	12	60,00	1	5,00
18	Đòn phối hợp (điểm)	19	76	13	68,42	3	15,79	3	15,79	1	5,26
19	Phân tích đánh giá lập kế hoạch (điểm)	18	72	14	77,78	2	11,11	1	5,56	1	5,56
20	Khai cuộc (điểm)	21	84	10	47,62	5	23,81	2	9,52	3	14,29
21	Trí nhớ động (điểm)	19	76	11	57,89	2	10,53	6	31,58	0	0,00
22	Trí nhớ tĩnh (điểm)	20	80	12	60,00	7	35,00	0	0,00	1	5,00

Từ kết quả thu được ở Bảng 1 cho thấy:

1. Về các hình thức đang áp dụng trong tuyển chọn: Đại đa số các HLV đều áp dụng 2 hình thức cơ bản sau: Căn cứ vào các kết quả giải thi đấu; Lựa chọn từ các lớp Cờ vua nghiệp dư.

Tuy vậy, cũng có một số HLV đã sử dụng các test có cơ sở khoa học để áp dụng trong thực tiễn. Chúng tôi cho rằng, đây là một trong những cơ sở có căn cứ cần thiết phải tính đến trong quá trình tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ vua trẻ.

2. Khi tiến hành tìm hiểu các nội dung cần kiểm tra đánh giá trong quá trình tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ vua, chúng tôi thấy rằng đại đa số các ý kiến đều tập trung vào việc đánh giá đặc điểm tâm - sinh lý của các em. Chúng tôi cho rằng, việc kiểm tra đánh giá các khả năng về mặt tâm - sinh lý là quan trọng, song chưa hẳn là yếu tố quyết định vì:

- Việc kiểm tra các năng lực tâm lý, đặc biệt là các thành phần của trí tuệ đã được thực hiện tốt tại các giai đoạn tuyển chọn sơ bộ ban đầu. Vì vậy, đến lứa tuổi 13 - 14, khi VĐV bước vào giai đoạn chuyên môn hoá ban đầu, việc kiểm tra lại các năng lực tâm lý là không thực sự cần

thiết so với việc đánh giá nhịp độ tăng trưởng của các năng lực chuyên môn cơ bản của VĐV.

- Kiểm tra y - sinh học có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình huấn luyện, song để thực hiện việc kiểm tra cho VĐV ở các địa phương gặp nhiều khó khăn về phương tiện (máy kiểm tra) và các điều kiện kiểm tra khác.

- Việc kiểm tra đánh giá sự phát triển thể chất của VĐV cũng được các ý kiến trả lời quan tâm, có 17/25 ý kiến (chiếm 68%). Chúng tôi cho rằng khi bước vào giai đoạn huấn luyện này, lượng vận động tập luyện và thi đấu của VĐV tăng cao, đòi hỏi VĐV phải được chuẩn bị tốt về cả thể lực chung và chuyên môn. Vì vậy, cần thiết phải tiến hành kiểm tra, đánh giá sự phát triển thể chất, đặc biệt là trình độ thể lực chung của đối tượng nghiên cứu. Song cần lựa chọn năng lực và test kiểm tra phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của môn Cờ Vua.

3. Về việc lựa chọn các test tuyển chọn đảm bảo tính khoa học và khả thi, kết quả phỏng vấn cho thấy, hầu hết các HLV thống nhất lựa chọn các test sau (đều có trên 60% ý kiến lựa chọn).

* **Nhóm chỉ tiêu hình thái:** Chiều cao đứng (cm); Cân nặng (kg).

* **Nhóm các test thể lực chung:** Chạy 60m xuất phát cao (s); Bật xa tại chỗ (cm); Chạy 400m (s).

* **Nhóm các test tâm lý:** Loại hình thần kinh; Soát vòng hồ Landolt (bit/s).

* **Nhóm các test chuyên môn:** Trí nhớ tĩnh (điểm); Trí nhớ động (điểm); Cờ tàn (điểm); Đòn phối hợp (điểm); Phân tích đánh giá, LKH (điểm); Khai cuộc (điểm); Chiến thuật chiến lược (điểm); Kỹ năng tính toán (điểm).

Và đại đa số các HLV đều xếp chúng ở mức độ từ rất quan trọng trong quá trình tuyển chọn VĐV năng khiếu Cờ Vua trẻ lứa tuổi 13 - 14.

1.2. Xác định hệ số tương quan của hệ thống test lựa chọn với thành tích thi đấu của đối tượng nghiên cứu

Nhằm xác định tính thông báo của các test đã lựa chọn, bài viết tiến hành xác định mối tương quan các test lựa chọn với thành tích thi đấu của đối tượng nghiên cứu.

Bảng 2. Hệ số tương quan các test lựa chọn với thành tích thi đấu của đối tượng nghiên cứu

TT	Chỉ tiêu, test	Hệ số tương quan (r)	
		Lứa tuổi 13 (n = 10)	Lứa tuổi 14 (n = 13)
1	Chiều cao đứng (cm)	0,353	0,342
2	Cân nặng (kg)	0,374	0,362
3	Chạy 60 m xuất phát cao (s)	0,371	0,377
4	Chạy 400m (s)	0,761	0,714
5	Bật xa tại chỗ (cm)	0,373	0,389
6	Loại hình thần kinh	0,389	0,387
7	Soát vòng hồ Landolt (bit/s)	0,799	0,877
8	Kỹ năng tính toán (điểm)	0,772	0,880
9	Chiến thuật chiến lược (điểm)	0,884	0,907
10	Cờ tàn (điểm)	0,802	0,778
11	Đòn phối hợp (điểm)	0,736	0,593
12	Phân tích đánh giá, LKH (điểm)	0,734	0,879
13	Khai cuộc (điểm)	0,795	0,775
14	Trí nhớ động (điểm)	0,387	0,378
15	Trí nhớ tĩnh (điểm)	0,354	0,341

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy: Hầu hết các chỉ tiêu, các test đã lựa chọn đều thể hiện mối tương quan mạnh đảm bảo tính thông báo ($0,714 < r < 0,907$), được bài viết lựa chọn ứng dụng trong thực tiễn tuyển chọn nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế (là các test được in đậm ở Bảng 2). Các test còn lại có mối tương quan trung bình và yếu, bài viết loại bỏ, không sử dụng trong quá trình nghiên cứu.

1.3. Xác định độ tin cậy của các test trên đối tượng nghiên cứu

Nhằm mục đích xác định độ tin cậy của hệ thống các test đã qua khảo nghiệm tính thông báo trong tuyển chọn VĐV Cờ vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế. Chúng tôi tiến hành kiểm tra trong điều kiện quy trình, quy phạm như nhau và trong cùng một thời điểm. Kết quả thu được như trình bày ở Bảng 3.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, bài viết đã lựa chọn được 15 test (8 test ở lứa tuổi 13 và 7 test với lứa tuổi 14), ứng dụng trong tuyển chọn VĐV Cờ vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế.

Bảng 3. Kết quả xác định độ tin cậy của các test trong tuyển chọn VĐV Cờ Vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế

TT	Test	Lứa tuổi 13 (n = 10)	Hệ số tương quan (r)	Lứa tuổi 14 (n = 13)	Hệ số tương quan (r)
		$\bar{x} \pm \delta$		$\bar{x} \pm \delta$	
1	Chạy 400m XPC (s)	96 $\pm$ 7,7	0,761	86 $\pm$ 8,0	0,714
2	Soát vòng hồ Landolt (bit/s)	1,22 $\pm$ 0,24	0,799	1,49 $\pm$ 0,36	0,877
3	Kỹ năng tính toán (điểm)	5,37 $\pm$ 1,19	0,772	6,43 $\pm$ 0,24	0,880
4	Chiến thuật chiến lược (điểm)	5,33 $\pm$ 1,26	0,884	6,32 $\pm$ 1,15	0,907
5	Cờ tàn (điểm)	4,09 $\pm$ 0,28	0,802	5,03 $\pm$ 0,28	0,778
6	Đòn phối hợp (điểm)	6,2 $\pm$ 1,43	0,736	7,22 $\pm$ 1,47	0,593
7	Khai cuộc (điểm)	3,55 $\pm$ 0,26	0,795	4,01 $\pm$ 0,34	0,775
8	Phân tích đánh giá lập kế hoạch (điểm)	3,66 $\pm$ 0,21	0,734	4,56 $\pm$ 0,31	0,879

2. Nghiên cứu xây dựng và ứng dụng các tiêu chuẩn trong thực tiễn tuyển chọn VĐV Cờ vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế

2.1. Tổ chức kiểm tra sự phạm và tâm lý trên đối tượng nghiên cứu

Nhằm xác định và kiểm tra hiệu quả của các chỉ tiêu, các test tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu, bài viết đã tiến hành như sau: Các đối tượng nghiên cứu đều được tập luyện chung một chương trình huấn luyện môn Cờ vua với số lượng 6 buổi/tuần, thời gian mỗi buổi tập là 90 - 120 phút.

Quá trình kiểm tra trên đối tượng nghiên cứu được tiến hành như sau: Kiểm tra ban đầu; Kiểm tra giai đoạn: Tiến hành kiểm tra sau 3 tháng và sau 6 tháng tập luyện với 15 test như trên.

2.2. Sự khác biệt về các chỉ tiêu của đối tượng nghiên cứu

Bài viết đã tiến hành kiểm tra sự phạm và tâm lý trên đối tượng nghiên cứu theo các lứa tuổi riêng biệt để áp dụng trong quá trình xây dựng các chỉ tiêu tuyển chọn tương ứng với các lứa tuổi 13 và 14 của đối tượng nghiên cứu. Kết quả kiểm tra trên các chỉ tiêu, các test lựa chọn thu được như trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. So sánh kết quả kiểm tra các chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cờ vua lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế

TT	Test	Lứa tuổi 13 (n = 10)	Lứa tuổi 14 (n = 13)	So sánh ($t_{\text{bảng}} = 2,016$)	
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$	t	P
1	Chạy 400m XPC (s)	96 $\pm$ 7,7	86 $\pm$ 8,0	4,425	<0,05
2	Soát vòng hồ Landolt (bit/s)	1,22 $\pm$ 0,24	1,49 $\pm$ 0,36	2,298	<0,05
3	Kỹ năng tính toán (điểm)	5,37 $\pm$ 1,19	6,43 $\pm$ 0,24	3,372	<0,05
4	Chiến thuật chiến lược (điểm)	5,33 $\pm$ 1,26	6,32 $\pm$ 1,15	2,173	<0,05

5	Cờ tàn (điểm)	$4,09 \pm 0,28$	$5,03 \pm 0,28$	4,351	<0,05
6	Đòn phối hợp (điểm)	$6,2 \pm 1,43$	$7,22 \pm 1,47$	2,075	<0,05
7	Khai cuộc (điểm)	$3,55 \pm 0,26$	$4,01 \pm 0,34$	2,072	<0,05
8	Phân tích đánh giá lập kế hoạch (điểm)	$3,66 \pm 0,21$	$4,56 \pm 0,31$	4,323	<0,05

Từ kết quả thu được ở Bảng 4 cho thấy: Các test được lựa chọn, kết quả thu được của đối tượng nghiên cứu ở các lứa tuổi 13, 14 đều có sự khác biệt rõ rệt ($t_{\text{tính}}$ của tất cả các test đều lớn hơn $t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất $P < 0,05$). Hay nói một cách khác, kết quả so sánh thành tích kiểm tra trên 8 test ở các lứa tuổi của đối tượng nghiên cứu, cho thấy ở tất cả các test trên, thành tích của đối tượng nghiên cứu có lứa tuổi cao hơn sẽ tốt hơn thành tích của đối tượng có lứa tuổi thấp.

Như vậy, từ kết quả kiểm nghiệm trên cho thấy cần xây dựng các tiêu chuẩn tuyển chọn riêng cho từng lứa tuổi.

2.3. Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nữ VĐV Cờ vua lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế

2.3.1. Xây dựng thang điểm tuyển chọn

Để dễ dàng đánh giá và theo dõi sự phát triển thành tích của VĐV ở từng chỉ tiêu, đồng thời có thể so sánh khả năng giữa các VĐV với nhau, chúng tôi quy các chỉ tiêu, các test tuyển chọn cho đối tượng nghiên cứu ra điểm theo thang độ C (thang điểm 10). Kết quả tính toán được trình bày thành các Bảng điểm tổng hợp (Bảng 5 - 6).

Bảng 5. Bảng điểm tổng hợp các chỉ tiêu tuyển chọn VĐV Cờ vua nữ lứa tuổi 13 Thành phố Huế

Lứa tuổi	Test	Điểm									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Lứa tuổi 13 (n=10)	1. Chạy 400m XPC (s)	110,71	106,84	102,96	99,09	95,215	91,34	87,465	83,59	79,715	75,84
	2. Soát vòng hồ Landolt (bit/s)	1,6	1,695	1,79	1,885	1,98	2,075	2,17	2,265	2,36	2,455
	3. Kỹ năng tính toán (điểm)	6,63	6,48	6,33	6,18	6,03	5,88	5,73	5,58	5,43	5,28
	4. Chiến thuật chiến lược (điểm)	5,33	5,495	5,66	5,825	5,99	6,155	6,32	6,485	6,65	6,815
	5. Cờ tàn (điểm)	4,11	4,27	4,43	4,59	4,75	4,91	5,07	5,23	5,39	5,55
	6. Đòn phối hợp (điểm)	5,9	6,14	6,38	6,62	6,86	7,1	7,34	7,58	7,82	8,06
	7. Khai cuộc (điểm)	3,59	3,745	3,9	4,055	4,21	4,365	4,52	4,675	4,83	4,985
	8. Phân tích đánh giá LKH (điểm)	3,8	3,93	4,06	4,19	4,32	4,45	4,58	4,71	4,84	4,97

Bảng 6. Bảng điểm tổng hợp các chỉ tiêu tuyển chọn VĐV Cờ vua nữ lứa tuổi 14 Thành phố Huế

Lứa tuổi	Test	Điểm									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Lứa tuổi 14 (n=13)	1. Chạy 400m XPC (s)	109,625	105,6	101,575	97,55	93,525	89,5	85,475	81,45	77,425	73,4
	2. Soát vòng hồ Landolt (bit/s)	2,01	2,095	2,18	2,265	2,35	2,435	2,52	2,605	2,69	2,775
	3. Kỹ năng tính toán (điểm)	7,59	7,465	7,34	7,215	7,09	6,965	6,84	6,715	6,59	6,465

	4. Chiến thuật chiến lược (điểm)	6,26	6,44	6,62	6,8	6,98	7,16	7,34	7,52	7,7	7,88
	5. Cờ tàn (điểm)	5,05	5,21	5,37	5,53	5,69	5,85	6,01	6,17	6,33	6,49
	6. Khai cuộc (điểm)	3,89	4,085	4,28	4,475	4,67	4,865	5,06	5,255	5,45	5,645
	7. Phân tích đánh giá LKH (điểm)	4,50	4,68	4,86	5,04	5,22	5,40	5,58	5,76	5,94	6,12

2.3.2. Tiêu chuẩn tổng hợp trong tuyển chọn nữ VĐV Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, để tuyển chọn nữ vận động viên Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 có 8 test, lứa tuổi 14 có 7 test đánh giá. Giá trị

của các test là như nhau và tổng điểm đạt được của các test ở lứa tuổi 13 (theo thang điểm 10) là 80 điểm, lứa tuổi 14 là 70 điểm. Vì vậy, bài viết tiến hành xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn tổng hợp cho VĐV Cờ vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế trình bày tại Bảng 7.

Bảng 7. Tiêu chuẩn đánh giá xếp loại tổng hợp trong tuyển chọn VĐV Cờ vua trẻ nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế

Xếp loại	Lứa tuổi 13 (điểm) (8 test, $\Sigma_{\text{điểm max}} = 80$)	Lứa tuổi 14 (điểm) (7 test, $\Sigma_{\text{điểm max}} = 70$)
Tốt	> 64	> 56
Khá	52 - 64	45,5 - 56
Trung bình	40 - 51	35 - 45,5
Yếu	24 - 39	21 - 34
Kém	< 24	< 21

Tuy nhiên, để đạt được tổng điểm cuối cùng, không nhất thiết phải đạt được số điểm nhiều ở từng chỉ tiêu của từng test - nghĩa là có thể lấy điểm đạt được của test này bù cho test khác, miễn là tổng điểm đạt được phải nằm trong khoảng xác định của các chỉ tiêu.

2.3.3. Cách thức tiến hành xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nữ vận động viên Cờ Vua trẻ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế

Việc xây dựng thang điểm tuyển chọn VĐV Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế được tiến hành theo các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định ngày tháng năm sinh của vận động viên.

- *Bước 2:* Xác định các số liệu về các test, từ đó xác định điểm của từng test (qua tra Bảng điểm tổng hợp 5, 6).

- *Bước 3:* Xác định tổng điểm đạt được của vận động viên ở 15 test, và xếp loại như trình bày ở Bảng 7.

2.4. Kiểm nghiệm trong thực tiễn các tiêu chuẩn tuyển chọn nữ VĐV Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế

Từ kết quả nghiên cứu nêu trên, trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá tuyển chọn nữ vận động viên Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế mà quá trình nghiên cứu đã xây dựng được, chúng tôi đã sơ bộ tiến hành kiểm tra đánh giá các chỉ tiêu tuyển chọn đã được xây dựng trên 23 vận động viên Cờ vua nữ trẻ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế ở đây chúng tôi lấy 4 VĐV làm ví dụ, kết quả thu được như trình bày ở Bảng 8.

Bảng 8. Kết quả kiểm tra ngược thông qua các tiêu chuẩn xây dựng được

Nội dung	VĐV			
	Lứa tuổi 13		Lứa tuổi 14	
	N01	N02	N03	N04
Chạy 400m XPC (s)	6,5	7,0	7,5	8,0
Soát vòng hồ Landolt (bit/s)	8,0	7,0	7,5	8,0
Kỹ năng tính toán (điểm)	8,5	6,5	6,0	7,0
Chiến thuật chiến lược (điểm)	5,0	6,0	7,0	7,5
Cờ tàn (điểm)	5,5	7,0	6,5	7,0
Đòn phối hợp (điểm)	7,5	9,0	-	-
Khai cuộc (điểm)	5,5	7,0	7,0	7,5
Phân tích đánh giá LKH (điểm)	6,5	6,5	7,5	8,0
Tổng điểm	53	56	49	53
Kết quả thi đấu	Tổng điểm	5,5	6,5	8,0
	Thứ hạng	21	14	2

Kết quả kiểm tra ở trên lại một lần nữa khẳng định tính đúng đắn và hiệu quả các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển chọn nữ VĐV Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế thông qua hệ thống test nghiên cứu ứng dụng.

Như vậy, từ kết quả kiểm nghiệm trên cho thấy hệ thống chỉ tiêu tuyển chọn mà chúng tôi sử dụng phản ánh được những mặt năng lực về trình độ tập luyện của vận động viên Cờ vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế. Điều đó một lần nữa khẳng định hệ thống các chỉ tiêu gồm các test mà chúng tôi lựa chọn là những bài test đặc trưng, đảm bảo tính thông báo trong việc sử dụng để tuyển chọn vận động viên Cờ Vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế.

KẾT LUẬN

Từ những kết quả nghiên cứu trên của bài viết, cho phép chúng tôi rút ra những kết luận sau:

1. Tuyển chọn và dự báo khả năng của vận động viên giữ vị trí vô cùng quan trọng trong công tác huấn luyện. Song trong thực tiễn tuyển chọn VĐV Cờ vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế còn nhiều hạn chế, chưa xây dựng được các tiêu chuẩn tuyển chọn cụ thể.

2. Quá trình nghiên cứu đã xác định được 3 nhóm chỉ tiêu gồm 15 test đặc trưng tuyển chọn nữ VĐV Cờ vua nữ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế bao gồm:

a. *Lứa tuổi 13*: 1. Chạy 400m (s); 2. Soát vòng hồ Landolt (bit/s); 3. Kỹ năng tính toán (điểm); 4. Chiến thuật chiến lược (điểm); 5. Cờ tàn (điểm); 6. Đòn phối hợp (điểm); 7. Phân tích, đánh giá, lập kế hoạch (điểm); 8. Khai cuộc (điểm).

b. *Lứa tuổi 14*: 1. Chạy 400m (s); 2. Soát vòng hồ Landolt (bit/s); 3. Kỹ năng tính toán (điểm); 4. Chiến thuật chiến lược (điểm); 5. Cờ tàn (điểm); 6. Phân tích, đánh giá, lập kế hoạch (điểm); 7. Khai cuộc (điểm).

3. Các chỉ tiêu, các test được lựa chọn để tuyển chọn nữ VĐV Cờ vua trẻ lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế qua quá trình nghiên cứu đã khẳng định tính khả thi và đạt tính thông báo thống kê cần thiết ($0,714 < r < 0,907$).

4. Xây dựng được các thang điểm và tiêu chuẩn và quy trình thuận tiện, chính xác và khách quan nhằm tuyển chọn nữ VĐV Cờ vua lứa tuổi 13 - 14 Thành phố Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N.G. Alecxêiev, B.A. Dlôtnhic (2002), *Những vấn đề của tuyển chọn tài năng Cờ Vua trẻ* (Tài liệu tham khảo, bộ môn Cờ trường Đại học TDTT I) - Dịch: Đàm Quốc Chính.
- [2] Dlôtnhic (2002), *Cờ vua: Khoa học - Kinh nghiệm - Trình độ*, NXB TDTT, Hà Nội, dịch: Đàm Quốc Chính.
- [3] Glônhişev (2001), *Chương trình đào tạo VĐV các cấp*, Tài liệu tham khảo nội bộ, Dịch: Lương Trọng Minh.
- [4] IaB. Extrin(1998), *Lý thuyết và thực hành cờ vua*, NXB TDTT, Hà Nội, dịch: Phùng Duy Quang.
- [5] D.Harr (1996), *Học thuyết huấn luyện*, NXB TDTT, Hà Nội, dịch: Trương Anh Tuấn, Bùi Thế Hiển.
- [6] Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (1995), *Sinh lý học TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.
- [7] *Một số vấn đề tuyển chọn và đào tạo VĐV trẻ* (1996), Biên dịch: Phạm Xuân Ngà, NXB TDTT, Hà Nội.